TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ THUẬN AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/LĐ-ST
Ngày: 30-01-2018
V/v Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Bạn

2. Bà Nguyễn Kim Hoa

- Thư ký phiên toà: Bà Thái Thị Yến – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Xuân Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 47/2017/TLST-LĐ ngày 11/10/2017 về việc "Tranh chấp Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2017/QĐST-LĐ ngày 08 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QĐST-LĐ ngày 04 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương Thị Nhật Q, sinh năm 1990; thường trú: Ấp P SĐ, xã H Đ T, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trương Dương D, sinh năm 1959; địa chỉ: Số 468/26/19A đường N K, Phường 3, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 27/7/2017), có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH Nhà Máy CT; địa chỉ: Khu phố BPA, phường B C, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông KCS, sinh năm 1961; chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện hợp pháp: Bà Bùi Huỳnh Thùy Tr, sinh năm 1989; địa chỉ: Số 14/2 đường 83, phường Tân Quy, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và ông Lê Thanh T, sinh năm 1993; địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà Alpha Tower, số 151 Nguyễn Đình Chiểu,

Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 20/10/2017), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Dương Thị Nhật Qbắt đầu làm việc tại Công ty TNHH Nhà máy CT (viết tắt là Công ty) từ ngày 22/3/2012. Đến ngày 22/5/2014, bà Qvà công ty ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn, tổng lương là 7.365.000 đồng, trong đó lương căn bản 5.340.000 đồng, tiền trách nhiệm 1.400.000 đồng, tiền thưởng 250.000 đồng, hỗ trợ nhà ở 250.000 đồng, hỗ trợ xăng xe 125.000 đồng. Trong quá trình làm việc tại công ty, bà Q luôn hoàn thành tốt công việc. Ngày 29/10/2016 công ty thông báo sẽ kết thúc hợp đồng lao động với bà Quỳnh vào ngày 01/11/2016 (theo thông báo ghi của công ty ghi ngày 25/6/2016), lý do công ty giải thể. Việc công ty cho bà Q nghỉ việc là sai quy định của pháp luật, đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động. Nay bà Q khởi kiện yêu cầu công ty bồi thường các khoản sau:

1. Bồi thường tiền lương những ngày không được làm việc tại công ty từ ngày 01/11/2016 cho đến ngày tòa xử là ngày 30/01/2018 là 15 tháng

(7.365.000 đồng x 15 tháng) = 110.475.000 đồng

2. Bồi thường hai tháng tiền lương theo quy định tại Điều 42 Bộ luật Lao động, số tiền: 7.365.000 đồng x 2 tháng = 14.730.000 đồng.

3. Bồi thường tiền lương do vi phạm thời gian báo trước, số tiền: 7.365.000 đồng x 45/26 = 12.747.115 đồng.

4. Truy đóng tiền BHXH, BHYT, BHTN trong thời gian bà Quỳnh không được làm việc tại công ty.

5. Yêu cầu công ty phải nhận bà Quỳnh trở lại làm việc theo vị trí và mức lương trong hợp đồng.

Tổng số tiền Công ty TNHH Nhà Máy CT phải bồi thường cho bà Q là: 137.952.115 đồng.

- *Tại bản tự khai ngày 20 tháng 10 năm 2017 người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày*:

Công ty TNHH Nhà Máy CT (viết tắt là Công ty) thống nhất với ý kiến trình bày của nguyên đơn về thời gian làm việc, thời gian ký kết hợp đồng, mức lương, phụ cấp lương theo hợp đồng lao động và phụ lục hợp đồng lao động, thời gian thông báo cho người lao động, quyết định cho người lao động nghỉ việc.

Với tất cả yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn không đồng ý vì bị đơn không đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn theo Điều 38 Bộ luật lao động mà bị đơn chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn theo quy định tại Khoản 7 Điều 36 Bộ luật lao động (do công ty giải thể). Việc công ty chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn là do công ty hoạt động kinh doanh không hiệu quả nên đã chấm dứt hoạt động theo quyết định giải thể số 26/QĐHĐTV ngày 25/10/2016 của Hội đồng thành viên công ty. Hiện công ty đã gửi quyết định và biên bản họp của Hội đồng thành viên công ty đến Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương, đến Cục thuế tỉnh Bình Dương và Công ty đã niêm yết quyết định giải thể và thông báo chấm dứt

hợp đồng lao động với người lao động tại cổng xưởng công ty. Đồng thời công ty đã thanh toán tiền lương tháng 10/2016, đóng đầy đủ BHXH, BHYT, BHTN đến hết ngày 30/10/2016 và các chế độ khác cho người lao động theo quy định. Do công ty chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 36 Bộ luật lao động nên công ty không phải thông báo trước cho người lao động khoảng thời gian theo như quy định tại Khoản 2 Điều 38 Bộ luật lao động. Do đó, Công ty đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Q.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Qua xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận 01 phần về việc yêu cầu bị đơn thanh toán tiền cho nguyên đơn những ngày không được làm việc, 02 tháng tiền lương theo Điều 42 Bộ luật Lao động, bồi thường tiền lương do vi phạm thời hạn báo trước và đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho nguyên đơn. Riêng yêu cầu về việc buộc bị đơn nhận nguyên đơn trở lại làm việc là không có căn cứ nên không chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty TNHH Nhà máy CT có trụ sở tại khu phố Bình Phước A, phường Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 32; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 36; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn bà Q cho rằng ngày 01/11/2016 Công ty TNHH Nhà máy Cô Tông đã cho bà Q và nhiều công nhân khác nghỉ việc (theo thông báo ngày 25/10/2016) với lý do Công ty giải thể là hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, như vậy quan hệ Tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

[3] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn là bà Bùi Huỳnh Thùy Tr và ông Lê Thanh Tn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Trang, ông Tân và xem như bị đơn từ bỏ quyền chứng minh, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình tại phiên tòa.

[4] Về nội dung:

Quá trình tham gia tố tụng đại diện bị đơn xác định công ty chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động theo quy định tại khoản 7 Điều 36 Bộ luật Lao động là trường hợp người sử dụng lao động không phải là cá nhân chấm dứt hoạt động nên công ty không phải báo trước cho người lao động và công ty không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ: Biên bản họp Hội đồng thành viên công ty số 15/BBHĐTV ngày 15/4/2016 của Hội đồng thành viên công ty; Quyết định số

15/QĐHĐTV ngày 15/4/2016 quyết định chấm dứt dự án đầu tư và quyết định giải thể thanh lý dự án đầu tư; Quyết định số 20/QĐ-SKHĐT ngày 28/4/2016 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương quyết định chấm dứt hoạt động dự án nhà máy sản xuất hàng may mặc của Công ty TNHH Nhà máy Cô Tông. Công ty Cô Tông đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận chấm dứt hoạt động dự án nhà máy sản xuất hàng may mặc của Công ty.

Biên bản họp số 25/BBHĐTV và Quyết định số 26/QĐHĐTV cùng ngày 25/10/2016 của Hội đồng thành viên công ty với nội dung quyết định giải thể Công ty Cô Tông, thông qua các phương án thanh lý hợp đồng, xử lý nợ, các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng, phương án thanh lý tài sản công ty, thành lập ban thanh lý tài sản của công ty. Tại Điều 4 về phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động, công ty xác định còn sử dụng 180 lao động và sẽ thực hiện các thủ tục cần thiết khác để chấm dứt hợp đồng lao động chậm nhất đến ngày 15/11/2016 theo quy định của pháp luật về lao động; Cùng ngày, công ty đã ra thông báo cho người lao động biết công ty sẽ chấm dứt hợp đồng lao động với công nhân viên công ty kể từ ngày 01/11/2016. Công ty đã ra quyết định và giải quyết các chế độ cho người lao động vào ngày 01/11/2016.

Ngày 02/11/2016, công ty ban hành Thông báo số 27/TB về việc giải thể doanh nghiệp gửi Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương. Hiện nay, trên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp đang cập nhật tình trạng của công ty đang làm thủ tục giải thể là "bị khóa".

Như vậy, tới thời điểm ngày 01/11/2016 Công ty chưa thông báo đến cơ quan có thẩm quyền quản lý việc đăng ký kinh doanh, chưa nộp hồ sơ, con dấu theo quy định tại Điều 204 Luật Doanh nghiệp, chưa được cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định công nhận việc giải thể theo Điều 59 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp nhưng lại tự xác định đã chấm dứt hoạt động để chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động đang có hiệu lực với người lao động là vi phạm điểm e khoản 1 Điều 205 Luật Doanh nghiệp.

Xét việc quyết định giải thể công ty là ý chí đơn phương của chủ doanh nghiệp (người sử dụng lao động) theo quy định của Luật Doanh nghiệp, nhưng khi thực hiện quyền này chủ doanh nghiệp phải tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp và Bộ luật Lao động để giải quyết các hợp đồng lao động đang có hiệu lực. Hợp đồng lao động giữa bà Q với Công ty Cô Tông là hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 38 Bộ luật Lao động thì khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà Quỳnh công ty phải thông báo trước cho bà Q biết trước ít nhất 45 ngày để bà Quỳnh có thời gian tìm việc làm mới, ổn định cuộc sống. Trong vụ án này, ngày 25/10/2016 Công ty CT ra quyết định giải thể số 26. Cùng ngày, công ty thông báo sẽ chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động của công ty vào ngày 01/11/2016 và người lao động đã phải nghỉ việc từ ngày 01/11/2016. Như vậy, công ty mới thực hiện việc báo trước cho người lao động biết trước 06 ngày, vi phạm quy định về thời gian báo trước nêu trên. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc bị đơn đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với nguyên đơn trái pháp luật là có cơ sở chấp nhận. Đối với yêu cầu nhận nguyên đơn trở lại làm việc: Do bị đơn đang làm thủ tục giải thể, không còn hoạt động sản xuất kinh doanh do vậy, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn nhận nguyên đơn trở lại làm việc.

Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc bị đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật với nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày người lao động không được làm việc (01/11/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm 30/01/2018), 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động, tiền lương vi phạm thời gian báo trước (39 ngày) trên cơ sở mức lương Công ty Cô Tông trả cho bà Quỳnh trước khi nghỉ việc là 7.365.000 đồng/tháng theo hợp đồng lao động đã ký kết. Đối với yêu cầu nhận nguyên đơn trở lại làm việc thì không có cơ sở chấp nhận.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Án phí: Về án phí sơ thẩm bị đơn Công ty Cô Tông phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điểm a Khoản 1 Điều 32; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 36, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 38, Điều 42 Bộ luật Lao động;

- Các Điều 202, 204, 205 Luật Doanh nghiệp;

- Khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Nhật Q đối với bị đơn Công ty TNHH Nhà máy CT về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Nhật Q về việc yêu cầu bị đơn Công ty TNHH Nhà máy C T phải nhận bà Qh trở lại làm việc.

3. Buộc Công ty TNHH Nhà máy CT bồi thường cho bà Dương Thị Nhật Q,số tiền 137.952.115 đồng (trong đó tiền lương những ngày không được làm việc là 110.475.000 đồng, hai tháng tiền lương là 14.730.000 đồng, tiền lương vi phạm thời gian báo trước là 12.747.115 đồng). Buộc Công ty TNHH Nhà máy CT và bà Dương Thị Nhật Q có trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật tại Cơ quan bảo hiểm xã hội thị xã Thuận An từ ngày 01/11/2016 đến ngày 30/01/2018 theo hợp đồng lao động.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không thi hành án, thì hàng tháng còn chịu tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí sơ lao động thẩm: Công ty TNHH Nhà máy CT phải nộp 4.138.563 đồng (bốn triệu một trăm ba mươi tám nghìn năm trăm sáu mươi ba đồng).

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều: 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận an;
- Chi cục THADS thị xã Thuận an;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Nhâm